

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ GIA MẬP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2021/DS-ST

Ngày: 09-12-2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Phú Vinh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Phan Tấn Lãm

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Ông Mai Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2021/TLST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXX-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Địa chỉ: số 169, phố LĐ, phường HL, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết A – chức vụ: Tổng giám đốc; Ủy quyền cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, do bà Nguyễn Thị B - chức vụ: Giám đốc làm đại diện; Bà Nguyễn Thị B ủy quyền lại cho bà Vũ Thị C - chức vụ: Phó Giám đốc tham gia tố tụng.

***Bị đơn:*** Bà Điều Thị D, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không lý do*).

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Ông Điều Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không lý do*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2021 của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo uỷ quyền là bà Vũ Thị C có nội dung được tóm tắt như sau:*

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam Phòng giao dịch huyện Bù Gia Mập có cho hộ bà Điều Thị D vay tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Cụ thể là:

Khoản vay theo tín chấp chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn ngày 09 tháng 6 năm 2018 theo sổ vay vốn và sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ số 6600000712970435 là 30.000.000 đồng, với lãi suất trong hạn là 9%/năm, lãi quá hạn là 11,7%/năm, phương thức thanh toán 12 tháng/lần, thời hạn vay là 36 tháng theo giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay. Quá trình vay cho đến ngày khởi kiện, hộ bà D chưa thanh toán bất kỳ tiền nợ gốc nào và tiền lãi thì hộ bà D đã thanh toán được là 5.026.851 đồng tính từ ngày 09 tháng 6 năm 2018 đến ngày 17 tháng 4 năm 2020 thì ngưng cho đến nay. Số tiền lãi trong hạn chưa trả tính từ ngày 18 tháng 4 năm 2020 đến ngày 08 tháng 06 năm 2021 là 3.084.658 đồng và tiền lãi phát sinh quá hạn tính từ ngày 09 tháng 6 năm 2021 đến ngày 09 tháng 12 năm 2021 (ngày đưa vụ án ra xét xử) là 1.765.342 đồng. Như vậy, hộ bà D còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền gốc của khoản vay là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 4.850.000 đồng nhưng không có thiện chí trả mặc dù đại diện của Ngân hàng có thông báo trả nợ cũng như làm việc trực tiếp với hộ bà D nhiều lần. Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc hộ bà D phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc đã vay là 30.000.000 đồng và tổng tiền lãi là 4.850.000 đồng. Đồng thời, hộ bà D, ông Đ phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên tổng số tiền nợ gốc chưa trả từ ngày 10 tháng 12 năm 2021 đến ngày khách hàng trả hết toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng với mức lãi suất quá hạn theo quy định của ngân hàng.

*Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn là bà Điều Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Điều Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

*Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

*Về tố tụng:* Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

*Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Buộc bị đơn bà Điều Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền là gốc là 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

*[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Toà án:*

Đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn là bà Điều Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Điều Đ có địa chỉ cư trú tại Thôn 3, xã ĐỒ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[1.2] Về thủ tục giải quyết vắng mặt:*

Bị đơn là bà Điều Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Điều Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mà không có lý do chính đáng, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhiều lần. Như vậy, việc vắng mặt của các đương sự nói trên là đương nhiên từ chối quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Cho nên, căn cứ tại Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

### **[2]. Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:**

*[2.1] Về tiền nợ gốc:*

Tại phiên tòa, bà Vũ Thị C đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn Điều Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền là gốc đã vay là 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù tại phiên tòa vắng mặt hộ bà Điều Thị D, ông Điều Đ, nhưng căn cứ vào khoản vay vốn tín chấp lập ngày 05 tháng 6 năm 2018 theo sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ số 6600000712970435 lập ngày 09 tháng 6 năm 2018 do bà Điều Thị D đại diện hộ gia đình ký tên ở phần người vay với số tiền là 30.000.000 đồng. Mục đích vay theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Từ những chứng nêu trên cho thấy, việc giao kết giữa các đương sự là có thật trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự được quy định tại các Điều 385, 401, 463 Bộ Luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, hộ bà Điều Thị D, ông Điều Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn trả nợ, mặc dù Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đã đi đòi nhiều lần. Vì vậy, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam do bà Vũ Thị C làm đại diện theo

ủy quyền yêu cầu bị đơn bà Điều Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền là gốc đã vay là 30.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[2.2] Về lãi suất:*

Trong quá trình khởi kiện và thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bà Vũ Thị C đại diện cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam cho rằng, hộ bà Điều Thị D, ông Điều Đ đã thanh toán được là 5.026.851 đồng tiền lãi tính từ ngày 09 tháng 6 năm 2018 đến ngày 17 tháng 4 năm 2020 thì ngưng cho đến nay.

Căn cứ vào sổ lưu từ ròi theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ số 6600000712970435 lập ngày 09 tháng 6 năm 2018, thể hiện các bên có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 9%/năm và lãi quá hạn là 11,7%/năm. Vì vậy, bà Vũ Thị C tiếp tục yêu cầu hộ bà Điều Thị D, ông Điều Đ phải có trách nhiệm thanh toán tiếp số tiền lãi trong hạn chưa trả tính từ ngày 18 tháng 4 năm 2020 đến ngày 08 tháng 06 năm 2021 là 3.084.658 đồng và tiền lãi phát sinh quá hạn tính từ ngày 09 tháng 6 năm 2021 đến ngày 09 tháng 12 năm 2021 (ngày đưa vụ án ra xét xử) là 1.765.342 đồng. Tổng cộng là 4.850.000 đồng. HĐXX xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Đối với bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

**[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Điều Thị D, ông Điều Đ liên đới phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; 40; 227; 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 288; 385, 401, 463, 466, 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.**

**2. Tuyên xử:**

Buộc hộ bà Điều Thị D, ông Điều Đ phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc đã vay là 30.000.000 đồng và

tổng số tiền lãi theo Bảng kê tính lãi phát sinh lập ngày 09 tháng 12 năm 2021 là 4.850.000 đồng. Tổng cộng là 34.850.000 đồng.

### **3. Về nghĩa vụ thi hành án:**

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**4. Án phí DSST:** Hộ bà Điều Thị D, ông Điều Đ phải có trách nhiệm liên đới nộp 1.742.500 đồng.

**5. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

#### **Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Văn Phú Vinh***